

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 3 - 2025
V/v: Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mậu và ông Nguyễn Xuân Thí.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐ-ST ngày 06/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Văn L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản Ô, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: Chị Đinh Thị My M, sinh năm 1993; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Bản Ôốc, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Hiện cư trú tại: Số A, đường M, Quận B, thành phố W, Ba Lan. Vắng mặt tại phiên tòa.

Thân nhân của chị Đinh Thị My M: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1966 (là mẹ đẻ của chị M); Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 18/01/2012, anh Đinh Văn L đã đăng ký kết hôn với chị Đinh Thị My M, sinh ngày 01/01/1993 ở bản Ô, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, quyển số 01/2012, tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một quãng thời gian gần 10 năm, trong khoảng thời gian đó đã sinh được 03 người con chung. Đến tháng 12/2022, chị M đi xuất khẩu lao động sang Ba Lan, hiện tại đang ở tại địa chỉ: A

M, 02-495 warszawa, Ba Lan với mong muốn chịu khó làm ăn để tăng thu nhập của gia đình, nuôi các con ăn học, cải thiện mức sống, gánh bớt khó khăn vất vả. Nhưng trong thời gian chị M đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống cách xa, dẫn đến tình cảm rạn nứt, luôn luôn xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân diễn ra rất trầm trọng, từ đó hạnh phúc không tồn tại. Dẫn đến cuộc hôn nhân bất hạnh, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên nhủ, hàn gắn, nhưng tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung, nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị My M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) người con, là các cháu: Đinh Gia L1, sinh ngày 23/9/2011; Đinh Nữ Bích T1, sinh ngày 16/6/2013 và Đinh Ngọc Tú L2, sinh ngày 29/11/2016. Hiện nay cả 3 cháu đang ở cùng với anh L, anh L đề nghị xin được nuôi dưỡng cả ba đứa con và yêu cầu chị Đinh Thị My M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến lúc các cháu trưởng thành. Vì thời gian này chị Đinh Thị My M đang lao động ở Ba Lan nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dạy các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L3 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh Thị My M hiện đang làm việc và cư trú tại Ba Lan: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn là chị M thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại nước Cộng Hòa B và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam nhưng không có kết quả.

Tại Đơn trình bày ngày 23/10/2024, bà Đinh Thị T, là mẹ đẻ chị M trình bày: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình gửi Thông báo thụ lý vụ án số 73/TB-TLVA ngày 02/5/2024 cho con gái bà và bà đã nhận thay cho con. Bà đã điện thoại thông báo cho con bà là chị M biết nhưng con gái bà hiện nay đang làm việc tại Ba Lan không thể về tham gia tố tụng được. Về việc con gái và con rể bà ly hôn, cả hai gia đình nội ngoại đều đã biết; cũng đã khuyên can nhưng hai con hiện không còn tình cảm. Vì vậy bà cũng không có ý kiến gì thêm, kính mong Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét, giải quyết ly hôn cho các con bà.

Tại phiên tòa anh L3 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử cho anh L3 ly hôn chị M; về con chung giao cho anh L3 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 đứa, buộc chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/01 đứa; đương sự chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Công văn số 1910/CV-QLXNC, ngày 10/7/2024 của Phòng Q - Công an tỉnh Q thì chị Đinh Thị My M, sinh ngày 01/01/1993 đã xuất cảnh ngày 04/6/2022 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tổng đạt đến Đ tại nước Cộng hòa B để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với chị Đinh Thị My M, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú của chị M (bị đơn) và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị M vẫn không có mặt, vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị M theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh L3 và chị M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo như anh L3 trình bày, quá trình hôn nhân, hai vợ chồng sống xa nhau nên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M đi làm ăn xa, tình cảm bị rạn nứt. Anh L3 khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn, bà T (mẹ đẻ của chị L3) cũng xác định giữa chị M và anh L3 đã có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh L3 được ly hôn chị M.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là Đinh Gia L1, sinh ngày 23/9/2011; Đinh Nữ Bích T1, sinh ngày 16/6/2013 và Đinh Ngọc Tú L2,

sinh ngày 29/11/2016. Hiện cả ba con đang sống cùng với anh L3 và đều có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn, anh L3 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba đứa con. Xét thấy, hiện nay chị M đang ở nước ngoài, nguyện vọng của anh L3 là chính đáng nên giao các cháu Đình Gia L1, Đình Nữ Bích T1 và Đình Ngọc Tú L2 cho anh L3 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy anh L3 yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, cần chấp nhận buộc chị M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 1.500.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 3/2025.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí tố tụng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Anh Linh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí tố tụng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài, đăng thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; chị M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 227, 228, Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đình Văn L được ly hôn chị Đình Thị My M.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao các cháu Đình Gia L1, sinh ngày 23/9/2011; Đình Nữ Bích T1, sinh ngày 16/6/2013 và Đình Ngọc Tú L2, sinh ngày 29/11/2016 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu kể từ tháng 3/2025 cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con

chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí:

Anh L3 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng anh L3 đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại Biên lai số 0004876 ngày 16/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;

Anh L3 phải chịu 2.250.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng và đăng thông tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

Chị Đinh Thị My M phải chịu nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Án sơ thẩm xử công khai, anh L3 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hoặc ngày bản án niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Các đương sự,
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình; -
- UBND xã Hóa Hợp, H. Minh Hóa;
- Niêm yết tại UBND xã Dân Hóa, H. Minh Hóa;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VP, Lưu án văn.

đã ký

Nguyễn Thái Sơn